

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Thực hiện kế hoạch số 121/KH-TU ngày 06/7/2017 của Tỉnh ủy về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện (số liệu từ năm 2010 đến nay), như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ SỞ TƯ PHÁP

Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp thực hiện theo Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp, gồm có: Lãnh đạo Sở, 02 tổ chức giúp việc (Văn phòng Sở, Thanh tra Sở), 06 phòng chuyên môn (*mỗi phòng có từ 2 đến 3 biên chế*) và 03 đơn vị sự nghiệp.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác quán triệt, phổ biến các văn bản về công tác cán bộ

Đảng ủy, cơ quan Sở Tư pháp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động cơ quan các Nghị quyết, kết luận, quy định, chương trình, kế hoạch của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và cấp trên về công tác cán bộ; các quy định pháp luật về công tác cán bộ như: *Kết luận số 37-KL/TW* ngày

02/02/2009 của Ban chấp hành Trung ương lần thứ 9 khóa X; Kết luận số 24-KL/TW ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; các nghị quyết, kết luận, quy định, quy chế, hướng dẫn của Trung ương; Chương trình số 21-CTr/TU ngày 15/4/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về thực hiện Kết luận số 37-KL/TW ngày 02/02/2009 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020”; Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (Khóa XV) về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 47/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ; Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ. v.v. thông qua các hội nghị chuyên đề của Đảng bộ, các buổi sinh hoạt của Chi bộ, các cuộc họp giao ban định kỳ của cơ quan. Thông qua đó, giúp cho từng đảng viên, công chức, viên chức, người lao động đã có những chuyển biến tốt về nhận thức đúng đắn về đường lối, quan điểm, chủ trương về công tác cán bộ; đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm nêu gương, ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống theo tư tưởng tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; tích cực học tập, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa và ban hành văn bản

- Sở Tư pháp đã Thẩm định 428 văn bản quy phạm pháp luật (107 Nghị quyết, 309 Quyết định, 12 Chỉ thị), HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 302 văn bản (78 Nghị quyết, 215 Quyết định, 09 Chỉ thị), trong đó có 50 văn bản có nội dung liên quan đến công tác tổ chức cán bộ; tham gia ý kiến vào 621 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 65 văn bản có nội dung liên quan đến công tác tổ chức cán bộ. Tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền 1.152 văn bản phát hiện (tự kiểm tra 343 văn bản, đề nghị xử lý 08 văn bản; kiểm tra theo thẩm quyền 809 văn bản, kiến nghị xử lý 62 văn bản), trong đó có 42 văn bản có nội

dung liên quan đến công tác tổ chức cán bộ. Rà soát 2.673 văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành, trong đó có 73 văn bản liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, kiến nghị xử lý 601 văn bản, có 24 văn bản liên quan đến công tác tổ chức cán bộ.

- Sở Tư pháp đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 05 văn bản liên quan đến công tác cán bộ, trong đó có 02 văn bản quy phạm pháp luật (*Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng, Phó phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp; Trưởng, Phó phòng Tư pháp huyện, thị xã; Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang*); 03 văn bản hành chính (*Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 11/4/2017 đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức Sở Tư pháp, công chức Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2017-2020*).

Ban hành Quy chế làm việc của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng phòng, đơn vị thuộc Sở, trong đó cụ thể hóa việc quản lý, sử dụng, nhiệm vụ của công chức, viên chức, người lao động theo phân cấp.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Sở Tư pháp đã tổ chức đã 26 cuộc kiểm tra, giám sát về thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, trong đó có nội dung về công tác cán bộ; thông qua đó đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong công tác cán bộ, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

III. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Về đội ngũ cán bộ

Tính đến tháng 7/2017, Sở Tư pháp có: 49/53 người, trong đó: 26/28 biên chế công chức hành chính; 20/21 biên chế sự nghiệp (*Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước; Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản*); 03/04 hợp đồng lao động

theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Phòng Công chứng được giao tự chủ 100%, hiện có 08 người làm việc. Cụ thể:

- Về trình độ: Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 04 người; Đại học 43 người, trung cấp 02 người. Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 01 người; cao cấp lý luận chính trị 6 người, trung cấp 21 người, sơ cấp 3 người.

- Về cơ cấu:

+ Sở Tư pháp: **29** công chức, người lao động, trong đó: **26** Công chức hành chính, gồm: 13 Công chức lãnh đạo, quản lý (*04 Lãnh đạo Sở; 05 Trưởng phòng; 04 Phó trưởng Phòng, đơn vị thuộc Sở*); 10 Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ; 03 công chức hỗ trợ, phục vụ (*gồm: 01 kỹ sư công nghệ thông tin, 01 kế toán; 01 văn thư*); **03** Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (*02 lái xe; 01 tạp vụ*).

+ Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở: **20** người làm việc (*02 công chức, 18 viên chức*), trong đó: **07** Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (*cấp trưởng đơn vị sự nghiệp: 02 công chức; cấp phó đơn vị sự nghiệp: 02 viên chức; Cấp trưởng Phòng thuộc đơn vị sự nghiệp: 02 viên chức; cấp phó trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp: 01 viên chức*); **11** Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ; **02** viên chức hỗ trợ, phục vụ (*02 kế toán*).

2. Về công tác cán bộ

2.1. Về từng khâu của công tác cán bộ

*** Công tác đánh giá cán bộ:**

Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc đánh giá đối với công chức, viên chức, người lao động hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP của Chính phủ và phân cấp của UBND tỉnh. Từ 2010 đến nay đã thực hiện đánh giá, phân loại đối với 317 lượt công chức, viên chức, người lao động, cụ thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 92 trường hợp; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 202 trường hợp; hoàn thành nhiệm vụ: 19 trường hợp; không hoàn thành nhiệm vụ: 03 trường hợp.

*** Công tác đào tạo, bồi dưỡng:**

Đảng ủy Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 05/11/2011 của Đảng ủy Sở Tư pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh lần thứ VIII, Nghị quyết Đại

hội Đảng bộ Sở Tư pháp lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2010-2015; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Chương trình hành động của Đảng bộ Sở Tư pháp về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (Khóa XV) *về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020.v.v.*

Trên cơ sở chỉ đạo của Đảng ủy, các Chi bộ trực thuộc, đoàn thể cơ quan đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-STP ngày 20/5/2013 *Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2013-2015*, Kế hoạch số 49/KH-STP ngày 31/12/2015 *Đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức Sở Tư pháp giai đoạn 2016-2020*; đồng thời hàng năm ban hành kế hoạch chi tiết để thực hiện, trong đó đề ra chỉ tiêu đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức cơ quan. Từ 2010 đến nay, đã cử 82 lượt công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng: Về trình độ chuyên môn: 09 trường hợp (02 Thạc sỹ; 07 Đại học). Quản lý nhà nước: 33 trường hợp (02 Chuyên viên cao cấp; 11 Chuyên viên chính; 20 Chuyên viên). Lý luận chính trị: 08 trường hợp (04 Cao cấp; 04 Trung cấp). Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý: 18 trường hợp. Nghiệp vụ Luật sư: 03 trường hợp. Đấu giá viên: 03 trường hợp. Công chứng viên 01 trường hợp. Thanh tra viên 03 trường hợp (01 Thanh tra viên chính; 02 Thanh tra viên). Bồi dưỡng tiếng H’mông: 04 trường hợp.

- *Công tác quy hoạch cán bộ:*

Thực hiện rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Rà soát, bổ sung và phê duyệt theo thẩm quyền Quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025.

- *Công tác tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ:* Sở Tư pháp đã tuyển dụng 19 công chức, viên chức (09 công chức, 10 viên chức); tiếp nhận 03 công chức, viên chức (02 công chức, 01 viên chức). Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- *Công tác luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ:*

Hàng năm, Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát, bố trí, điều động, luân chuyển giữa các chức danh lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp nhằm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện công chức đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ. Từ năm 2010 đến

nay đã thực hiện bổ nhiệm 32 lượt công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo phân cấp (*Chức Trưởng phòng và tương đương: 15 trường hợp; Phó trưởng Phòng và tương đương: 11 trường hợp; chức danh trưởng, phó phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở: 06 trường hợp*), trong đó 06 công chức, viên chức điều động gắn với luân chuyển.

- *Công tác bảo vệ chính trị nội bộ*: Đảng ủy, Lãnh đạo Sở Tư pháp đã duy trì thực hiện tốt công tác lãnh đạo, điều hành và tổ chức cho công chức, viên chức thực hiện tốt các quy định, quy chế liên quan đến việc bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật cơ quan, kỷ luật phát ngôn, giao tiếp với tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Đồng thời, thường xuyên nâng cao nhận thức chính trị, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu phá hoại của địch. Cơ quan an toàn, nội bộ đoàn kết, hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch công tác đã đề ra.

- *Về chính sách cán bộ*: Đảm bảo đầy đủ chính sách cho công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Về tổ chức làm công tác cán bộ

Sở Tư pháp không có phòng Tổ chức cán bộ; việc tham mưu công tác tổ chức của Sở (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp) được giao cho Văn phòng Sở thực hiện (Chánh Văn phòng Sở trực tiếp tham mưu thực hiện). Nội dung quản lý công chức, viên chức của Sở Tư pháp được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm lãnh đạo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ của Sở Tư pháp. Việc đánh giá công chức, viên chức được thực hiện khách quan, công tâm, đúng tiêu chí, gắn kết chặt chẽ với công tác thi đua, khen thưởng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng thực hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan. Việc giới thiệu, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định; không có tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”. Công tác quy hoạch cán bộ đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện, có “động”, có “mở”. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên. Các chính sách cho công chức, viên chức, người lao động được đảm bảo theo quy định.

Công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp có phẩm chất chính trị vững vàng; có đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực; có trình độ,

năng lực, trách nhiệm trong công tác; chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

2. Tồn tại, hạn chế

Chất lượng thực hiện một số nhiệm vụ còn thấp, do năng lực, trình độ của một số ít công chức, viên chức còn hạn chế; có trường hợp còn chưa tuân thủ, chấp hành quy định pháp luật về nghĩa vụ và quy tắc đạo đức nghề nghiệp (*có 03 công chức, viên chức chức bị xử lý kỷ luật*), nguyên nhân do công chức, viên chức thiếu ý thức kỷ luật và rèn luyện tu dưỡng đạo đức; biên chế ít; hoạt động của trợ giúp viên pháp lý chủ yếu tham gia tố tụng, trợ giúp pháp lý lưu động (do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tổ chức), nên việc quản lý khó khăn.

3. Khó khăn, vướng mắc

3.1. Quyết định 286-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức

- Điều 2 Quy chế đánh giá cán bộ, công chức (ban hành kèm theo Quyết định 286-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị) quy định về đối tượng áp dụng là “cán bộ, công chức”; thiếu đối tượng là viên chức.

- Quy định về đánh giá, phân loại của cán bộ, công chức, viên chức mức “hoàn thành nhiệm vụ” ở các văn bản chưa thống nhất về thuật ngữ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể: Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ (Điều 11 Quy chế đánh giá cán bộ, công chức ban hành kèm theo Quyết định 286-QĐ/TW); Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực (điểm c khoản 1 Điều 29, điểm c khoản 1 Điều 58 Luật Cán bộ, công chức); Hoàn thành nhiệm vụ (khoản 3 Điều 42 Luật Viên chức).

3.2. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP

Trước khi có Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, pháp luật chưa có quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá, thang điểm đánh giá theo chức trách, nhiệm vụ đối với từng vị trí việc làm (công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý; công chức, viên chức tham mưu, tổng hợp; công chức, viên chức thừa hành nhiệm vụ), vì vậy việc đánh giá công chức hàng năm còn mang định tính. Hiện nay, việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức đã được pháp luật cụ thể, có tính định lượng cao. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị định số 56/2015/NĐ-CP có những khó khăn, vướng mắc như:

- Quy định tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP chưa thống nhất với Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, ban hành kèm theo Quyết định 286-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP chỉ quy định tiêu chí chung cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý; không quy định cụ thể tiêu chí đánh giá đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu; Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, ban hành kèm theo Quyết định 286-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị quy định cụ thể tiêu chí đánh giá phân loại đối với Lãnh đạo cấp cơ sở và lãnh đạo cấp trên cơ sở trở lên, nên quá trình thực hiện còn khó khăn.

- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể đối với việc đánh giá, phân loại hàng năm đối với công chức, viên chức đang trong thời gian bị cơ quan tiến hành tố tụng xem xét giải quyết, nên khó khăn trong việc xác định có đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm đối với trường hợp này hay không? nếu có thì mức độ đánh giá, phân loại như thế nào?

3.3. Công tác đánh giá để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND: Chưa có quy định thống nhất hướng dẫn hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức quản lý.

3.4. Về việc điều động, luân chuyển

* Về việc điều động, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo công chức là thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức 2008 thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập là công chức. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực tư pháp thì thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập phải là người có chức danh nghề nghiệp, như:

- Đối với Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước:

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý quy định: “*Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý*”. Trong khi đó Khoản 2 Điều 21 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 quy định: “*Trợ giúp viên pháp lý là viên chức nhà nước, làm việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước*”. Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018 quy định: “*Công dân Việt*

Nam là viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể trở thành trợ giúp viên pháp lý... ”.

- Đối với Trưởng phòng Công chứng:

Luật Công chứng năm 2014 Điều 13 Khoản 2 quy định: “*Người đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng là Trưởng phòng. Trưởng phòng công chứng phải là công chứng viên*”; Điều 17 Khoản 1 điểm a, b quy định quyền của công chứng viên: “*Được pháp luật bảo đảm quyền hành nghề công chứng; Tham gia thành lập Văn phòng công chứng hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng cho tổ chức hành nghề công chứng*”.

- Đối với Giám đốc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản:

Khoản 2 Điều 22 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 quy định: “*Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng. Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản là đấu giá viên*”.

Theo các quy định nêu trên thì việc điều động, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển công chức là thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở với nhau hoặc với các phòng chuyên môn thuộc Sở khó khăn, bất cập.

3.5. Về việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp

- Hoạt động nghề nghiệp của công chứng viên, trợ giúp viên pháp lý, đấu giá viên là độc lập, tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nên việc quản lý hoạt động nghiệp vụ của các chức danh này rất khó khăn.

- Đối với đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ hoàn toàn, không được giao số người làm việc, những người trước đây là công chức, viên chức nay không còn trong biên chế thì có còn là công chức, viên chức không và chế độ chính sách, cơ chế chịu trách nhiệm đối với họ chưa quy định cụ thể nên việc quản lý, sử dụng và xử lý vi phạm gặp nhiều khó khăn.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương kịp thời tham mưu với Bộ Chính trị sửa đổi, bổ sung Quyết định 286-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức.

2. Đề nghị Quốc Hội sửa đổi Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức theo hướng không quy định Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập là công chức, để tách chức danh quản lý hành chính Nhà nước với đơn vị sự nghiệp công lập. Nếu quy định thủ trưởng đơn vị sự nghiệp là công chức thì pháp luật chuyên

ngành không được quy định người được bổ nhiệm là thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có chức danh nghề nghiệp.

3. Đề nghị Chính phủ ban hành văn bản quy định về việc quản lý đối với những người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn và không được Nhà nước giao biên chế, trong đó quy định rõ những người trước đây là công chức, viên chức nay không còn trong biên chế thì có còn là công chức, viên chức không và chế độ chính sách, cơ chế chịu trách nhiệm đối với họ khi vi phạm.

4. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:

a) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.

b) Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo, trong đó quy định thống nhất hướng dẫn hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức quản lý.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định Phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh, trong đó sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp quản lý đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh theo hướng: Giám đốc Sở, người đứng đầu cơ quan trực thuộc UBND tỉnh (không phải đơn vị sự nghiệp) thực hiện quản lý đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp. Phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thực hiện việc bổ nhiệm đối với viên chức quản lý cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp (sau khi xin ý kiến của Giám đốc Sở), thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức.v.v. đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; (Báo cáo)
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Trang thông tin điện tử STP;
- Lưu VT, VP. (Kiên)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thuộc



BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ BỔ NHIỆM CÁN BỘ
(Nhiệm kỳ 2010-2015)

| CẤP | Chức danh bổ nhiệm | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số | Độ tuổi | | | | | | Chuyên môn | | | LLCT | |
|-------------|---------------------------------------|---------|------|------------------|---------|-------|-------|-------|-------|---------|------------|---------|--------------|-----------|--------|
| | | | | | ≤ 30 | 31-35 | 36-40 | 41-45 | 46-50 | Trên 50 | Trung cấp | Đại học | Trên đại học | Trung cấp | CC, CN |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| CẤP TỈNH | Giám đốc Sở, Ngành và tương đương | 2 | 1 | 0 | | | | | 1 | 1 | | 1 | 1 | | 2 |
| | % | 100 | 50 | | | | | | 50 | 50 | | 50 | 50 | | 100 |
| | Phó Giám đốc Sở, ngành và tương đương | 3 | 1 | 1 | | | | 1 | 2 | | | 1 | 2 | | 3 |
| | % | 100 | 33,3 | 33,3 | | | | 33,3 | 66,7 | | | 33,3 | 66,7 | | 100 |
| | Trưởng phòng và tương đương | 9 | 6 | 3 | | | 3 | 2 | 1 | 3 | | 9 | | 3 | 6 |
| | % | 100 | 67 | 33 | | | 33 | 22 | 11 | 33 | | 100 | | 33,3 | 66,7 |
| | Phó Trưởng phòng và tương đương | 8 | 8 | | | | 2 | 4 | 1 | 1 | | 8 | | 8 | |
| | % | 100 | 100 | | | | 25 | 50 | 12,5 | 12,5 | | 100 | | 100 | |



BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ BỔ NHIỆM CÁN BỘ

(Nhiệm kỳ 2015-2020)

| CẤP | Chức danh bổ nhiệm | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số | Độ tuổi | | | | | | Chuyên môn | | | LLCT | |
|-------------|---------------------------------------|---------|------|------------------|---------|-------|-------|-------|-------|---------|------------|---------|--------------|-----------|--------|
| | | | | | ≤ 30 | 31-35 | 36-40 | 41-45 | 46-50 | Trên 50 | Trung cấp | Đại học | Trên đại học | Trung cấp | CC, CN |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| CẤP TỈNH | Giám đốc Sở, Ngành và tương đương | | | | | | | | | | | | | | |
| | % | | | | | | | | | | | | | | |
| | Phó Giám đốc Sở, ngành và tương đương | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | | | 1 |
| | % | 100 | 100 | | | | | 100 | | | | 100 | | | 100 |
| | Trưởng phòng và tương đương | 6 | 5 | 2 | | 1 | 2 | 2 | 1 | | | 6 | | 2 | 4 |
| | % | 100,0 | 83,3 | 33,3 | | 16,7 | 33,3 | 33,3 | 16,7 | | | 100,0 | | | 66,7 |
| | Phó Trưởng phòng và tương đương | 3 | 3 | | | | 1 | 2 | | | | 3 | | 3 | |
| | % | 100 | 100 | | | | 33,3 | 66,7 | | | | 100 | | 100 | |

Handwritten signature or mark in blue ink.